TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỆ THỦY** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 9 - 2021
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng Minh và ông Võ Xuân Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thư ký viên chính, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Mai Ngọc T, sinh năm 1985;
Địa chỉ nơi cư trú: Đội M, thôn Q, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1988;
Địa chỉ nơi cư trú: Đội N, thôn Q, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 22/4/2021, bản tự khai ngày 26/05/2021 và tại phiên tòa, anh Mai Ngọc T trình bày: Anh và chị Đỗ Thị H yêu nhau và đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 04/02/2015. Sau kết hôn, anh và chị H về chung sống tại nhà bố mẹ anh T tại xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Vợ, chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cách sống và suy nghĩ của hai vợ chồng khác nhau, không ai chịu nhường nhịn ai nên thường xuyên cải vã nhau. Vợ, chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh T xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết nên yêu cầu được ly hôn chị H.

Về con chung: Anh T thừa nhận vợ, chồng có một con chung là cháu Mai Đỗ Hoài A, sinh ngày 13/02/2016. Sau ly hôn, anh T có nguyện vọng được trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con vì anh T có đủ điều kiện, khả năng nuôi con hơn chị H.

Về tài sản chung: Anh T thừa nhận vợ, chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Đỗ Thị H: Tại phiên tòa chị H vắng mặt, nhưng trong bản tự khai và đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 10/5/2021 gửi Tòa án chị H có nêu ý kiến như sau: Chị H thừa nhận vợ, chồng kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình như anh T trình bày. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình và cách sống giữa chị và anh T khác nhau và mâu thuẫn không khắc phục được. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh T yêu cầu ly hôn thì chị chấp nhận.

Về con chung: Chị H thừa nhận vợ, chồng có một con chung là cháu Mai Đỗ Hoài A, sinh ngày 13/02/2016, hiện nay đang sinh sống cùng chị. Bản thân chị hiện tại chưa có chỗ ở và công việc ổn định, ngành nghề của chị đang làm là ngành dịch vụ bị đình trệ do dịch Covid -19 kéo dài; hơn nữa do đặc thù công việc nên thời gian chị đi làm nhiều giờ, thường về khuya. Sau ly hôn, chị nhất trí giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng như nguyện vọng của anh T, nhằm bù đắp tình cảm giữa cha và con. Nguyện vọng chị H nếu giao con cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị mong muốn đóng góp nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, nhưng vì anh T đủ khả năng và không yêu cầu, không muốn nhận tiền của chị, nên chị chấp nhận không cấp dưỡng nuôi con và sẽ lựa chọn hình thức đóng góp khác như mua bảo hiểm phi nhân thọ, làm sổ tiết kiệm, mua sắm các vật dụng khác cho con...

Về tài sản chung: Chị H thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn anh Mai Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Đỗ Thị H là loại việc quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn chị H đến Tòa án để giải quyết vụ án và tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng chị H đều vắng mặt. Ngày 10/5/2021 chị H đã có bản tự khai và đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, trong đó nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh T. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị H.

[3]. Về yêu cầu ly hôn: Theo trình bày và thừa nhận của anh T và chị H, thì anh T và chị H đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình vào ngày 04/02/2015, do đó hôn nhân giữa anh T và chị H là hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cách sống và suy nghĩ của hai vợ chồng khác nhau. Mâu

thuẩn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nguyên đơn anh T yêu cầu ly hôn, bị đơn chị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong văn bản gửi cho Tòa án không có nhu cầu đoàn tụ và đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẩn giữa anh T và chị H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về nuôi con chung: Anh T và chị H có một con chung là Mai Đỗ Hoài A, sinh ngày 13/02/2016. Sau ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con vì anh có đủ điều kiện, khả năng nuôi con. Chị H trong văn bản gửi cho Tòa án nhất trí giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng vì chị không có chỗ ở và công việc ổn định. Hội đồng xét xử xét thấy, theo trình bày của anh T tại phiên tòa thì hiện tại anh T đang kinh doanh trang trại thu nhập trung bình khoảng 12 triệu đồng/tháng; chị H trong văn bản gửi cho Tòa án thừa nhận hiện tại chị làm nghề dịch vụ, nhưng do dịch Covid-19 nên công việc và thu nhập bị ảnh hưởng, không ổn định. Xét điều kiện về kinh tế hiện tại thì anh T có điều kiện hơn chị H, yêu cầu của anh T được nuôi con và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, được bị đơn chị H chấp nhận là phù hợp với điều kiện thực tế của nguyên đơn và bị đơn cũng như các điều kiện sống khác của con chung tại thời điểm hiện nay. Vì vậy, cần giao cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự, cũng như quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau này, nếu điều kiện của các bên thay đổi, vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5]. Về tài sản chung: Anh T và chị H đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung và không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn anh T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xử cho anh Mai Ngọc T được ly hôn chị Đỗ Thị H.

2. Giao con chung Mai Đỗ Hoài A, sinh ngày 13/02/2016 cho anh Mai Ngọc T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Đỗ Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Đỗ Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Sau này, vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Nguyên đơn anh Mai Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số AA/2020/0001253 ngày 28/4/2021 (Anh Mai Ngọc T đã nộp đủ án phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn anh Mai Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (15/9/2021); bị đơn chị Đỗ Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện L;*
- *TAND tỉnh Quảng Bình;*
- *Chi cục THADS huyện L;*
- *UBND xã T (Nơi ĐKKH để ghi chú vào sổ hộ tịch);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*
- *Lưu VP;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hải